

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN 30/06/2020
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

KHÁI QUÁT CHUNG

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng – Công ty TNHH MTV, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/11/2016. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong phương án cổ phần hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 01/09/2016 là 238.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 23.850.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước (Bộ Xây dựng)	23.555.200	235.552.000.000	98,76 %
Vốn góp của cổ đông khác	294.800	2.948.000.000	1,24 %
	23.850.000	238.500.000.000	100 %

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Coma 1- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tô dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Coma 15- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu	Tầng 13 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Quang Minh	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội

Theo giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CTCP

Đ/c: Số 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trịnh Nam Hải (*)	Phụ trách hội đồng quản trị	
Ông Đào Đức Thọ	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 19/08/2020
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên hội đồng quản trị	

(*) Theo nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 09/07/2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc thống nhất giao nhiệm vụ phụ trách Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP kể từ ngày 05/07/2019 cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về nhân sự giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Đào Đức Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2020
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thế Thùy	Trưởng phòng tài chính kế toán	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Trần Thanh Vân	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Ông Vũ Đức Đại	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2020
Bà Đinh Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho

các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020



ĐÀO ĐỨC THỌ

Số: ~~652~~/BCTC/TC/NV12

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP, được lập ngày 30/09/2020, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2020 Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền là 28.479.273.057 đồng. Nếu trích lập đủ số lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và lỗ lũy kế trên cân đối kế toán tổng hợp sẽ cùng tăng thêm là 28.479.273.057 đồng.

Tổng Công ty chưa lập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn và Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và Dịch vụ Phát triển Nông thôn số tiền là 924.424.571 đồng. Nếu thực hiện trích lập bổ sung thì số lỗ trên báo cáo kết quả kinh doanh và lỗ lũy kế trên cân đối kế toán sẽ cùng tăng thêm số tiền 924.424.571 đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về vấn đề tại thuyết minh IV.1 Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2020, số lỗ lũy kế trên báo cáo Tổng hợp của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (Tổng Công ty) khoảng 298,7 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 288,7 tỷ đồng. Ngày 12/7/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 54656/QĐ-CT-QLN về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: đồng
01/01/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		191.475.442.940	194.765.491.016
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.645.915.023	5.081.484.214
1. Tiền	111		6.645.915.023	5.081.484.214
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.800.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.260.768.302	155.231.118.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	146.038.265.646	160.123.759.617
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	24.962.559.431	16.546.436.564
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	181.850.558.453	180.151.537.541
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(201.670.376.889)	(201.670.376.889)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	79.761.661
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	26.670.510.407	31.241.678.834
1. Hàng tồn kho	141		26.670.510.407	31.241.678.834
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.098.249.208	3.211.209.474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	32.199.318	53.885.843
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.049.553.748	3.146.710.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	16.496.142	10.613.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.900.008.112	245.069.813.274
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.037.383.044	95.680.986.023
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	92.037.383.044	95.680.986.023
- Nguyên giá	222		175.979.816.107	178.917.365.796
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83.942.433.063)	(83.236.379.773)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		158.450.000	158.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.450.000)	(158.450.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	6.327.099.043	4.985.638.002
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.136.046.512	4.794.585.471
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		191.052.531	191.052.531
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	143.111.196.085	143.111.196.085
1. Đầu tư vào công ty con	251		119.549.258.805	119.549.258.805
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.880.647.106	12.880.647.106
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.902.858.682	20.902.858.682
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(10.221.568.508)	(10.221.568.508)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.424.329.940	1.291.993.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.424.329.940	1.291.993.164
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		434.375.451.052	439.835.304.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng
01/01/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		480.719.767.061	485.397.636.259
I. Nợ ngắn hạn	310		480.174.312.512	484.447.413.687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	85.546.325.375	77.288.754.030
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	22.834.628.055	9.723.920.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	91.201.357.153	101.317.082.662
4. Phải trả người lao động	314		2.628.882.996	3.404.204.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	45.955.342.703	45.990.476.008
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		939.679.844	545.454.542
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	199.703.114.796	204.273.274.504
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	31.364.981.590	41.904.246.805
II. Nợ dài hạn	330		545.454.549	950.222.572
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		545.454.549	950.222.572
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(46.344.316.009)	(45.562.331.969)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(49.220.923.331)	(48.438.939.291)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
2. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		10.946.368.209	10.946.368.209
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(298.667.291.540)	(297.885.307.500)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(297.885.307.500)	(215.102.460.474)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(781.984.040)	(82.782.847.026)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		2.876.607.322	2.876.607.322
1. Nguồn kinh phí	431		2.876.607.322	2.876.607.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		434.375.451.052	439.835.304.290

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2020	Năm 2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	23.005.815.159	52.386.097.523	39.824.963.643	65.098.903.677
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.005.815.159	52.386.097.523	39.824.963.643	65.098.903.677
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.507.282.460	46.695.439.527	29.382.127.356	51.355.528.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.498.532.699	5.690.657.996	10.442.836.287	13.743.375.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	229.248.182	822.111.022	231.044.696	824.887.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	667.280.750	1.325.000.654	1.600.991.599	2.556.991.654
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		667.280.750	1.325.000.654	1.600.991.599	2.556.991.654
8. Chi phí bán hàng	25		8.541.818	56.503.637	27.673.863	92.664.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.458.919.457	7.444.497.806	8.651.631.754	12.982.071.408
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		593.038.856	(2.313.233.079)	393.583.767	(1.063.464.878)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	391.213.907	835.890.956	891.213.907	2.108.456.555
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.951.695.998	718.118.418	2.066.781.714	1.751.287.571
13. Lợi nhuận khác	40		(1.560.482.091)	117.772.538	(1.175.567.807)	357.168.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(967.443.235)	(2.195.460.541)	(781.984.040)	(706.295.894)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(967.443.235)	(2.195.460.541)	(781.984.040)	(706.295.894)

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng



Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Đơn vị tính: đồng
			Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(781.984.040)	(706.295.894)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.510.285.548	4.105.535.338
- Các khoản dự phòng	03	0	(2.303.515.168)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(132.067.122)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(98.977.574)	(556.644.603)
- Chi phí lãi vay	06	1.600.991.599	2.556.991.654
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	2.303.515.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.098.248.411	5.399.586.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.838.175.513	21.112.510.143
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.229.707.386	32.200.623.462
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	9.456.111.811	(51.235.303.602)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(110.650.251)	752.846.951
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.185.164.672)	(1.473.776.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.326.428.198	6.756.486.617
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.776.870)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	385.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	98.977.574	175.264.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.354.799.296)	175.264.603
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.360.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.899.265.215)	(9.945.354.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.539.265.215)	(9.945.354.682)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.432.363.687	(3.013.603.462)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.081.484.214	8.310.181.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.067.122	128.405.313
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.645.915.023	5.424.983.618

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

Người lập biểu

Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Trưởng Giám đốc



Đào Đức Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/11/2016. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong phương án cổ phần hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 01/09/2016 là 238.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 23.850.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước (Bộ Xây dựng)	23.555.200	235.552.000.000	98,76 %
Vốn góp của cổ đông khác	294.800	2.948.000.000	1,24 %
	23.850.000	238.500.000.000	100 %

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Coma 1- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Coma 15- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu	Tầng 13 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Quang Minh	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm 2020 là: xây lắp và cho thuê văn phòng

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và giá vốn giữa các đơn vị trực thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Các tài sản cố định hữu hình hình thành trước thời điểm ngày 30/06/2014 được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Giá trị còn lại của các tài sản này được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 11 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc

kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	30/06/2020	01/01/2020
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	1.294.830.622	1.161.099.816
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.351.084.401	3.920.384.398
Cộng	6.645.915.023	5.081.484.214
2. Phải thu khách hàng		
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	146.038.265.646	160.123.759.617
- <i>Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT</i>	<i>34.472.561.394</i>	<i>34.472.561.394</i>
- <i>Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Việt Nam</i>	<i>14.299.457.169</i>	<i>14.299.457.169</i>
- <i>Các khách hàng khác</i>	<i>97.266.247.083</i>	<i>111.351.741.054</i>
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	146.038.265.646	160.123.759.617
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc</i>	<i>970.385.545</i>	<i>160.756.159</i>
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu</i>	<i>1.088.118.590</i>	<i>1.088.118.590</i>
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)</i>	<i>54.704.750</i>	<i>54.704.750</i>
- <i>Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư thiết bị số 27</i>	<i>972.530.933</i>	<i>972.530.933</i>
3. Trả trước cho người bán		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	24.952.559.431	16.536.436.564
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng</i>	<i>3.468.145.328</i>	<i>3.468.145.328</i>
- <i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Coma 25</i>	<i>4.950.548.824</i>	<i>4.950.548.824</i>
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2.6 (Coma 26)</i>	<i>5.227.989.683</i>	
- <i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>11.305.875.596</i>	<i>8.117.742.412</i>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	10.000.000	10.000.000
- <i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Cộng	24.962.559.431	16.546.436.564

4. Phải thu khác	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	181.850.558.453	127.034.221.720	180.151.537.541	127.034.221.720
- Phải thu khác	167.386.219.819	126.758.724.456	166.477.974.260	126.758.724.456
+ Công ty CP Cơ khí và Xây lắp số 7	40.793.667.708	40.793.667.708	40.793.667.708	40.793.667.708
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy điện nước số 3	41.882.768.212	41.652.237.988	41.882.768.212	41.652.237.988
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng	22.945.227.969	22.945.227.969	22.945.227.969	22.945.227.969
+ Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	16.901.306.805	-	16.901.306.805	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	19.740.624.018	11.090.205.668	19.740.624.018	11.090.205.668
+ Sở Tài Chính Hà Nội - đặt cọc sử dụng khu đô thị	7.636.000.000	-	7.636.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Coma 25	5.576.900.451	4.377.968.242	5.576.900.451	4.377.968.242
+ Phải thu khác	11.909.724.656	5.899.416.881	11.001.479.097	5.899.416.881
- Tạm ứng	13.368.232.302	275.497.264	12.598.292.322	275.497.264
- Cầm cố, ký quỹ ký cược	1.096.106.332	-	1.075.270.959	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	181.850.558.453	127.034.221.720	180.151.537.541	127.034.221.720
5. Nợ xấu	Giá gốc	30/06/2020 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2020 Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
+ Tổng thầu (EPC) liên danh nhà thầu SINOMA - BAT	34.472.561.394	-	34.472.561.394	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và lắp máy điện nước số 3	41.882.768.212	230.530.224	41.882.768.212	230.530.224
+ Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác	217.245.544.582	91.699.967.075	224.951.803.143	99.406.225.636
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
Cộng	293.600.874.188	91.930.497.299	301.307.132.749	99.636.755.860
6. Hàng tồn kho	Giá gốc	30/06/2020 Dự phòng	Giá gốc	01/01/2020 Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	368.701.228	-	400.194.863	-
- Công cụ, dụng cụ	81.714.734	-	95.252.409	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.018.968.112	-	20.545.105.229	-
- Hàng hóa bất động sản (**)	10.201.126.333	-	10.201.126.333	-
Cộng	26.670.510.407	-	31.241.678.834	-

(**) Là giá trị 02 căn hộ tại tòa nhà Westa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và 01 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai. Hai căn hộ tại tòa nhà Westa chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị ĐCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	146.503.867.919	13.020.029.228	10.220.146.533	9.173.322.116	178.917.365.796
Số tăng trong kỳ	-	-	-	38.776.870	38.776.870
- Mua trong kỳ	-	-	-	38.776.870	38.776.870
Số giảm trong kỳ	-	-	2.976.326.559	-	2.976.326.559
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.976.326.559	-	2.976.326.559
Số dư cuối kỳ	146.503.867.919	13.020.029.228	7.243.819.974	9.212.098.986	175.979.816.107
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	54.258.439.090	10.596.038.361	9.263.614.143	9.118.288.179	83.236.379.773
Số tăng trong kỳ	3.024.725.565	256.222.597	217.392.374	11.945.012	3.510.285.548
- Khấu hao trong kỳ	3.024.725.565	256.222.597	217.392.374	11.945.012	3.510.285.548
Số giảm trong kỳ	-	-	2.804.232.258	-	2.804.232.258
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.804.232.258	-	2.804.232.258
Số dư cuối kỳ	57.283.164.655	10.852.260.958	6.676.774.259	9.130.233.191	83.942.433.063
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	92.245.428.829	2.423.990.867	956.532.390	55.033.937	95.680.986.023
Tại ngày cuối kỳ	89.220.703.264	2.167.768.270	567.045.715	81.865.795	92.037.383.044

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.525.497.696 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.106.751.127 đồng

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý đã khấu hao hết giá trị

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Giá gốc	30/06/2020 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2020 Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn ^(*)	6.136.046.512		4.794.585.471	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
+ Công trình dự án I1E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
Cộng	6.327.099.043	191.052.531	4.985.638.002	191.052.531

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là các công trình tồn đọng được phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn và Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất tại ngày 30/06/2020. Chi tiết:

Công trình	Số tiền
- Dự án Nhiệt điện Hồng Sa	3.322.678.848
- Dự án trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh	148.632.091
- Dự án nút giao thông Long Biên Hà Nội	2.664.735.573
Tổng cộng	6.136.046.512

10. Đầu tư tài chính dài hạn	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty con	119.549.258.805	9.575.725.908	119.549.258.805	9.575.725.908
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (Coma 2)	14.475.873.012	-	14.475.873.012	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (Coma 16)	3.633.663.558	-	3.633.663.558	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (Coma 17)	8.492.821.032	-	8.492.821.032	-
Công ty CP Khóa Minh Khai	82.146.668.546	-	82.146.668.546	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)	5.669.250.000	5.669.250.000	5.669.250.000	5.669.250.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp và kinh doanh Vật tư Thiết bị số 27	202.007.497	202.007.497	202.007.497	202.007.497
Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và Dịch vụ phát triển Nông thôn	4.928.975.160	3.704.468.411	4.928.975.160	3.704.468.411
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	12.880.647.106	-	12.880.647.106	-
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	1.836.527.663	-	1.836.527.663	-
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	11.044.119.443	-	11.044.119.443	-
c) Đầu tư vào đơn vị khác	20.902.858.682	645.842.600	20.902.858.682	645.842.600
Công ty CP Coma Đầu tư kinh doanh Bất động sản (Comarc)	562.478.011	562.478.011	562.478.011	562.478.011
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 10	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Hương Sơn ^(*)	1.107.569.300	37.118.300	1.107.569.300	37.118.300
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 5	748.442.503	-	748.442.503	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Đại Mỹ	7.246.146.943	-	7.246.146.943	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Phát triển Cơ khí	500.000.000	46.246.289	500.000.000	46.246.289
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Coma 25	10.238.221.925	-	10.238.221.925	-
Cộng	153.332.764.593	10.221.568.508	153.332.764.593	10.221.568.508

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 30/06/2020 là 1.046.663.200 đồng. Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán không có giá niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết quan trọng

Tên Công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ	Vốn góp theo mệnh giá đến 30/06/2020	Tỷ lệ vốn thực góp
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	17.122.460.000	8.797.500.000	51,38%
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	6.000.000.000	3.216.420.000	53,61%
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con	13.938.000.000	7.162.738.200	51,39%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	6.600.000.000	4.453.020.000	67,47%
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)	Công ty con	11.000.000.000	5.669.400.000	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư Thiết bị số 27	Công ty con	12.938.190.118	12.938.190.118	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và Dịch vụ phát triển Nông thôn	Công ty con	127.295.272	127.295.272	100,00%
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	2.998.125.337	929.418.854	31,00%
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	Công ty liên kết	45.000.000.000	9.000.000.000	20,00%

	30/06/2020	01/01/2020			30/06/2020
11. Chi phí trả trước					
a) Ngắn hạn	32.199.318	53.885.843			
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	32.199.318	53.885.843			
b) Dài hạn	1.424.329.940	1.291.993.164			
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	129.228.387	125.753.126			
- Chi phí sửa chữa	347.374.280	80.894.500			
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	900.000.000	1.000.000.000			
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	47.727.273	85.345.538			
Cộng	1.456.529.258	1.345.879.007			
12. Phải trả người bán					
a) Phải trả người bán ngắn hạn	85.546.325.375	77.288.754.030			
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	15.885.964.269	19.742.098.758			
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	5.984.632.045	7.515.531.976			
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	7.811.613.492	7.811.613.492			
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2.6 (Coma 26)	16.094.625.265	11.704.860.846			
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	39.769.490.304	30.514.648.958			
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-			
Cộng	85.546.325.375	77.288.754.030			
c) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	15.885.964.269	19.742.098.758			
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	5.984.632.045	7.515.531.976			
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	1.258.581.210	513.491.481			
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	7.811.613.492	7.811.613.492			
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	-	692.604.419			
13. Người mua trả tiền trước					
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.834.628.055	9.723.920.392			
- Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	10.940.925.820	-			
- Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam - Gỏi thầu số 3	625.000.000	625.000.000			
- Công ty CP Tập đoàn Green Diamond Việt Nam	965.000.001	965.000.001			
- BQL DA Đầu tư Xây dựng (Thi công tuyến đường lên tượng gióng)	3.173.809.349	3.173.809.349			
- Công ty Cổ phần Coma 68	-	1.800.000.000			
- Các đối tượng khác	7.129.892.885	3.160.111.042			
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-			
Cộng	22.834.628.055	9.723.920.392			
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020	
a) Phải nộp					
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	20.890.652.363	1.084.438.043	3.784.977.735	18.190.112.671	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.947.095	-	-	195.947.095	
- Thuế thu nhập cá nhân	284.523.626	122.877.561	153.482.823	253.918.364	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	21.333.190.191	1.375.704.314	326.207.661	22.382.686.844	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	58.612.769.387	1.436.367.492	9.870.444.700	50.178.692.179	
Cộng	101.317.082.662	4.019.387.410	14.135.112.919	91.201.357.153	
b) Phải thu					
- Thuế xuất, nhập khẩu	10.613.473	-	-	10.613.473	
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.882.669	5.882.669	
Cộng	10.613.473	-	5.882.669	16.496.142	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	30/06/2020	01/01/2020
15. Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	33.456.509.320	33.456.509.320
- Trích trước chi phí các công trình	12.238.833.383	12.043.966.688
- Trích trước chi phí khác	260.000.000	490.000.000
Cộng	45.955.342.703	45.990.476.008
16. Phải trả khác ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	917.485.016	842.493.698
- Các khoản bảo hiểm phải nộp	8.103.836.532	7.165.344.636
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.581.793.248	196.165.436.170
+ Công ty CP Khóa Minh Khai (lợi nhuận dự án Skylight) (*)	97.704.013.510	97.704.013.510
+ Lợi nhuận phải trả thành phố - dự án Skylight (*)	49.466.065.630	49.466.065.630
+ Phí bảo trì chung cư Skylight	13.947.427.401	14.182.627.401
+ Huy động vốn mua nhà liền kề	2.677.500.000	2.677.500.000
+ Huy động vốn mua cổ phần xi măng Đồng Bành	4.779.000.000	4.853.000.000
+ Huy động vốn Thủy điện Hương Sơn	560.000.000	560.000.000
+ Tiền lãi phải trả huy động vốn cá nhân	2.242.219.000	2.194.373.000
+ Lãi vay ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng BIDV	927.935.279	5.039.905.037
+ Tiền lãi phải trả Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Số 2.6	1.505.529.339	1.025.578.654
+ Phải trả, phải nộp khác	16.772.103.089	18.462.372.938
Cộng	199.703.114.796	204.273.274.504

(*) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án "khu nhà ở cao cấp Skylight" theo nghị quyết số 31/NQ-HĐTV ngày 06/05/2015 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, dự án Skylight vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức và chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30/06/2020	Trong năm		01/01/2020
		Tăng	Giảm	
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	3.721.000.000	-	11.851.765.215	15.572.765.215
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	3.721.000.000	-	11.851.765.215	15.572.765.215
+ Vay ngắn hạn các bên liên quan	6.980.000.000	460.000.000	-	6.520.000.000
- Bộ Xây dựng ⁽³⁾	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
- Ông Dương Văn Hồng ⁽²⁾	100.000.000	-	-	100.000.000
- Ông Vũ Xuân Thắng ⁽²⁾	930.000.000	460.000.000	-	470.000.000
- Ông Trịnh Nam Hải ⁽²⁾	500.000.000	-	-	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung ⁽²⁾	250.000.000	-	-	250.000.000
+ Vay ngắn hạn khác	20.663.981.590	900.000.000	47.500.000	19.811.481.590
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2.6 ⁽⁴⁾	10.600.000.000	900.000.000	-	9.700.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽²⁾	10.063.981.590	-	47.500.000	10.111.481.590
Cộng	31.364.981.590	1.360.000.000	11.899.265.215	41.904.246.805

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/502/HĐTDHM ngày 14/09/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và nhà xưởng sản xuất tại địa chỉ Lô số 04, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội và 04 xe ô tô thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán do Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng gặp khó khăn về tài chính.

⁽²⁾ Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời gian vay từ 03 tháng đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

⁽³⁾ Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

(4) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 26 theo hợp đồng vay vốn số 2011/2019/TCT-CM26 ngày 20/11/2019 số tiền 500.000.000 đồng lãi suất 8,5%; hợp đồng số 1912/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 19/12/2019 số tiền 9.200.000.000 đồng lãi suất 9,5%/năm và hợp đồng vay vốn số 2403/2020/HĐVV/TCT-COMA26 ngày 24/03/2020 số tiền 900.000.000 đồng lãi suất 9,5%/năm mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	238.500.000.000	9.944.733.314	(214.642.009.795)	33.802.723.519
Tăng vốn năm trước	-	1.001.634.895	-	1.001.634.895
- Tăng khác	-	1.001.634.895	-	1.001.634.895
Giảm vốn năm trước	-	-	83.243.297.705	83.243.297.705
- Lỗi trong năm trước	-	-	82.782.847.026	82.782.847.026
- Giảm khác	-	-	460.450.679	460.450.679
Số dư cuối năm trước	238.500.000.000	10.946.368.209	(297.885.307.500)	(48.438.939.291)
Tăng vốn trong kỳ	-	-	(781.984.040)	(781.984.040)
- Lãi trong kỳ	-	-	(781.984.040)	(781.984.040)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	238.500.000.000	10.946.368.209	(298.667.291.540)	(49.220.923.331)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
- Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Cộng	238.500.000.000	238.500.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.850.000	23.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.850.000	23.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/l cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.370.230.399	17.160.138.571
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.454.733.244	47.938.765.106
Cộng	39.824.963.643	65.098.903.677
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.385.252.954	8.067.953.350
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	21.996.874.402	43.287.575.068
Cộng	29.382.127.356	51.355.528.418

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.701.394	556.644.603
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.276.180	128.656.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá	132.067.122	139.586.496
Cộng	231.044.696	824.887.899
4. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	1.600.991.599	2.556.991.654
Cộng	1.600.991.599	2.556.991.654
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.768.080.549	7.205.516.273
- Chi phí vật liệu đồ dùng văn phòng	2.643.864	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	562.261.701	1.017.005.991
- Thuế, phí và lệ phí	268.596.704	281.351.562
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.027.349.607	-
- Chi phí quản lý khác	2.022.699.329	4.478.197.582
Cộng	8.651.631.754	12.982.071.408
6. Thu nhập khác		
- Hoàn trích trước chi phí các công trình	-	1.262.045.152
- Thu nhập thanh lý tài sản cố định	377.905.699	-
- Thu nhập khác	513.308.208	846.411.403
Cộng	891.213.907	2.108.456.555
7. Chi phí khác		
- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	2.038.680.131	1.751.287.571
- Chi phí khác	28.101.583	-
Cộng	2.066.781.714	1.751.287.571
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.675.688	6.311.038.283
- Chi phí nhân công	6.278.226.766	10.416.290.858
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.510.285.548	4.105.535.338
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.642.155.522	4.646.721.782
- Chi phí khác bằng tiền	8.002.998.844	6.734.279.733
Cộng	39.671.342.368	32.213.865.994

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/06/2020, số lỗ lũy kế trên báo cáo Tổng hợp của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (Tổng Công ty) khoảng 298,7 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 288,7 tỷ đồng. Ngày 12/7/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 54656/QĐ-CT-QLN về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Trong kỳ Tổng công ty cũng đã thanh toán được hết các khoản nợ vay ngân hàng, hoạt động dịch vụ cho thuê nhà và dịch vụ khác hiệu quả cao bù đắp cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty, đây là các tiền đề để Tổng công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới. Do đó Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 được lập trên cơ sở khả năng doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	Công ty con
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	Công ty con
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn	Công ty con
9	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh
10	Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	Công ty liên kết
11	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Thành viên lãnh đạo chủ chốt

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1.	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Doanh thu cho thuê văn phòng và phí dịch vụ	147.553.763
2.	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng, tiền điện nước	6.490.909
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	Chia cổ tức	93.276.180
4.	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	Công ty con	Vay tiền	50.000.000
			Lãi vay	702.740
			Mua xe ô tô thanh lý	220.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả người bán	970.385.545 430.916.364 (15.885.964.269)
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	Phải trả người bán	(5.984.632.045)
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác Trả trước cho người bán Phải trả người bán	1.088.118.590 254.257.000 10.000.000 (1.258.581.210)
4.	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Phải thu khác Phải trả khác	16.901.306.805 (97.704.013.510)
5.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác Phải trả người bán	54.704.750 19.740.624.018 (7.811.613.492)
6.	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	Công ty con	Phải thu khách hàng Phải thu khác	972.530.933 885.753.267
7.	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Phải thu khác (tiền cổ tức)	558.000.000
8.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	Công ty liên liên kết	Phải thu khác (tiền cổ tức)	411.424.707
9.	Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu	Vay ngắn hạn	(5.200.000.000)

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2020

TT	Bộ phận	Tiền lương và thù lao
1	Hội đồng quản trị	523.500.000
2	Ban kiểm soát	83.500.000
	Tổng cộng	607.000.000

4. Báo cáo bộ phận

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động xây dựng	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.370.230.399	23.454.733.244	39.824.963.643
Giá vốn hàng bán	7.385.252.954	21.996.874.402	29.382.127.356
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	8.984.977.445	1.457.858.842	10.442.836.287
Tài sản bộ phận	366.000.000	28.318.092.196	28.684.092.196
Tài sản không phân bổ			405.691.358.856
Tổng tài sản			434.375.451.052
Nợ phải trả bộ phận	1.630.283.229	276.878.290.253	278.508.573.482
Nợ phải trả không phân bổ			202.211.193.579
Tổng nợ phải trả			480.719.767.061

b) Theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 chuyển sang ngày 01/01/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

Người lập biểu

Kiều Thị Nguyệt Nga

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Đào Đức Thọ

